

Số: 1484/NMĐSH1-KHTC

Hậu Giang, ngày 07 tháng 11 năm 2024

V/v cung cấp báo giá dịch vụ tư vấn khảo sát,  
lập phạm vi công việc và lập dự toán chi phí  
gói thầu “Chống ăn mòn toàn bộ nhà máy”

### Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai thuê dịch vụ tư vấn khảo sát, lập phạm vi công việc và dự toán chi phí gói thầu “Chống ăn mòn toàn bộ nhà máy”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Khảo sát, lập phạm vi công việc (lập chi tiết khối lượng các hạng mục công việc cần thực hiện và tính toán các khối lượng vật tư sơn, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ, máy thi công...) và dự toán chi phí gói thầu “Chống ăn mòn toàn bộ nhà máy” cho NMĐ Sông Hậu 1 với Danh mục hệ thống/thiết bị tại nhà máy như Phụ lục đính kèm.

2. Thời gian thực hiện khảo sát: Nhà thầu quan tâm có thể thực hiện khảo sát các hệ thống thiết bị tại NMĐ Sông Hậu 1 từ ngày 11/11/2024 đến ngày 18/11/2024. Sau khi khảo sát nhà thầu sẽ báo giá chi tiết dịch vụ tư vấn Khảo sát, lập phạm vi công việc (lập chi tiết khối lượng các hạng mục công việc cần thực hiện và tính toán các khối lượng vật tư sơn, vật tư tiêu hao, công cụ dụng cụ, máy thi công...) và lập dự toán chi phí gói thầu “Chống ăn mòn toàn bộ nhà máy” để nhà máy xem xét.

3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Điều kiện thanh toán:

- Tạm ứng 10% sau khi ký Hợp đồng, giá trị tạm ứng được thu hồi vào các đợt thanh toán.

- Thanh toán 90% giá trị sau khi hoàn thành dịch vụ tư vấn và được nghiệm thu hoàn thành.

5. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.

6. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 20/11/2024.

7. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

8. Thông tin liên hệ:

*Người nhận: Phòng Kế hoạch Tài chính – NMĐ Sông Hậu 1.*

*Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.*

*Email: longpx@pvpgb.vn; hanhlx@pvpgb.vn; nhanhh@pvpgb.vn*

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Phòng/PX: KTATMT;
- Lưu VT, KHTC (N.H.N);

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Chính**



# Phụ lục: DANH MỤC HỆ THỐNG/THIẾT BỊ NHÀ MÁY

(Đính kèm Văn bản số 1484/NMĐSH1, ngày 07/11/2024)

| STT/ No    | Nội dung/Content                                                                                                                | Đơn vị                | Số lượng |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|
| <b>A</b>   | <b>Thiết bị trong chu trình công nghệ/Process equipment</b>                                                                     |                       |          |
| <b>I</b>   | <b>Lò hơi và thiết bị phụ trợ/Boiler and Auxiliaries</b>                                                                        | <b>Tổ máy</b>         | <b>2</b> |
| <b>1</b>   | <b>Hệ thống Lò hơi chính/Main Boiler System</b>                                                                                 | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 1.1        | Lò hơi chính/Main Boiler                                                                                                        | Hệ thống              | 2        |
| 1.2        | Hệ thống hơi và nước/Steam & Water System                                                                                       | Hệ thống              | 2        |
| 1.3        | Bơm tuần hoàn lò hơi/Boiler Recirculation pump                                                                                  | Thiết bị              | 2        |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống máy nghiền than/Coal Pulverizer System (Bao gồm phần kết cấu thép)</b>                                              | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 2.1        | Máy nghiền than/Coal Pulverizer                                                                                                 | Hệ thống              | 2        |
| 2.2        | Hệ thống xả tạp vật máy nghiền/Mill Reject Handling System                                                                      | Hệ thống              | 2        |
| 2.3        | Máy cấp than và bộ đốt/Coal Feeder & Coal burner                                                                                | Hệ thống              | 2        |
| <b>3</b>   | <b>Hệ thống khí đốt và khói thoát/Flue &amp; Gas System</b>                                                                     | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 3.1        | Hệ thống quạt gió cấp 1/PAF                                                                                                     | Hệ thống              | 2        |
| 3.2        | Hệ thống quạt gió cấp 2/FDF                                                                                                     | Hệ thống              | 2        |
| 3.3        | Hệ thống quạt khói/ IDF                                                                                                         | Hệ thống              | 2        |
| 3.4        | Hệ thống sấy gió/APH                                                                                                            | Hệ thống              | 2        |
| 3.5        | Quạt gió chèn/SAF                                                                                                               | Hệ thống              | 2        |
| 3.6        | Hệ thống sấy gió bằng hơi/SCAH                                                                                                  | Hệ thống              | 2        |
| 3.7        | Làm sạch quạt gió cho hệ thống dầu đốt/Purge air fan to burner system                                                           | Hệ thống              | 2        |
| <b>4</b>   | <b>Quạt làm mát sensor ngọn lửa/Scanser Cooling Air Fan</b>                                                                     | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>5</b>   | <b>Hệ thống thổi bụi lò hơi/Sootblower System</b>                                                                               | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>6</b>   | <b>Hệ thống thải xỉ đáy lò/Bottom Ash System</b>                                                                                | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>7</b>   | <b>Hệ thống vôi đốt dầu</b>                                                                                                     | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>8</b>   | <b>Hệ thống lọc bụi tĩnh điện/ESP System</b>                                                                                    | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>II</b>  | <b>Turbine và hệ thống phụ trợ/Turbine &amp; Auxiliaries</b>                                                                    | <b>Tổ máy</b>         | <b>2</b> |
| <b>1</b>   | <b>Turbine chính/Main Turbine</b>                                                                                               | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống hơi chèn/Gland Steam System</b>                                                                                     | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>3</b>   | <b>Hệ thống hơi chính và hơi tái sấy/Main &amp; Reheat Steam</b>                                                                | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>4</b>   | <b>Hệ thống hơi HP/LP Bypass/ HP/LP Bypass System</b>                                                                           | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>5</b>   | <b>Hệ thống hơi tự dùng/Auxiliaries Steam System</b>                                                                            | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>6</b>   | <b>Hơi trích và các bình gia nhiệt cao áp, hạ áp/Extraction Steam &amp; Non-Return Valve System</b>                             | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>7</b>   | <b>Hệ thống nước ngưng/Condensate System</b>                                                                                    | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 7.1        | Hệ thống nước ngưng/Condensate System                                                                                           | Hệ thống              | 2        |
| 7.2        | Hệ thống rút chân không bình ngưng/Condensate Vacuum System                                                                     | Hệ thống              | 2        |
| 7.3        | Hệ thống rút chân không Waterbox/Condensate Waterbox Vacuum System                                                              | Hệ thống              | 2        |
| 7.4        | Hệ thống làm sạch nước ngưng/Condensate Polishing System                                                                        | Hệ thống              | 2        |
| 7.5        | Hệ thống bổ sung nước ngưng/Condensate Transfer System                                                                          | Hệ thống              | 2        |
| 7.6        | Hệ thống làm sạch bình ngưng/Condenser Tube Clean System                                                                        | Hệ thống              | 2        |
| <b>8</b>   | <b>Hệ thống nước cấp/Feed Water System</b>                                                                                      | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>9</b>   | <b>Hệ thống nước làm mát chính/Main Cooling Water System</b>                                                                    | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 9.1        | Hệ thống nước tuần hoàn/Circulating Water System                                                                                | Hệ thống              | 2        |
| 9.2        | Hệ thống châm clo/Gas Chlorination System                                                                                       | Hệ thống chung        | 1        |
| <b>10</b>  | <b>Hệ thống nước làm mát phụ/Auxiliaries Cooling Water System</b>                                                               | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>11</b>  | <b>Hệ thống nước làm mát kín/Closed Cooling Water System</b>                                                                    | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>12</b>  | <b>Hệ thống nhớt bôi trơn Turbine/Turbine Lube Oil System</b>                                                                   | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 12.1       | Hệ thống nhớt bôi trơn Turbine/Turbine Lube Oil System                                                                          | Hệ thống              | 2        |
| 12.2       | Hệ thống tách lọc nhớt/Filter Oil System                                                                                        | Hệ thống              | 2        |
| <b>13</b>  | <b>Hệ thống nhớt thủy lực/Hydraulic Fluid System</b>                                                                            | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>14</b>  | <b>Hệ thống nhớt thủy lực cho bypass/Hydraulic Fluid for Bypass System</b>                                                      | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>15</b>  | <b>Hệ thống nhớt kết hợp bôi trơn và điều khiển cho BFPT/Lube &amp; Hydraulic Oil for BFPT System</b>                           | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>III</b> | <b>Máy phát và thiết bị phụ trợ/Generator &amp; Auxiliaries</b>                                                                 | <b>Tổ máy</b>         | <b>2</b> |
| <b>1</b>   | <b>Máy phát/Generator</b>                                                                                                       | <b>Thiết bị</b>       | <b>2</b> |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống nước làm mát Stator/Stator Cooling Water System</b>                                                                 | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>3</b>   | <b>Hệ thống nhớt chèn trục máy phát/Generator Shaft Sealing Oil System</b>                                                      | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>4</b>   | <b>Hệ thống H2 &amp; CO2/H2 &amp; CO2 System</b>                                                                                | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Điện/Electrical</b>                                                                                                          | <b>Tổ máy</b>         | <b>2</b> |
| <b>1</b>   | <b>Máy cắt đầu cực/Generator Circuit Breaker (phần chân đế, Support)</b>                                                        | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>2</b>   | <b>Máy biến áp chính/Generator Step-up Transformer (phần chân đế, Support)</b>                                                  | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>3</b>   | <b>Máy biến áp phụ/Auxiliaries Transformer (phần chân đế, Support)</b>                                                          | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>4</b>   | <b>Máy phát Diesel khẩn/Emergency Diesel Generator</b>                                                                          | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>5</b>   | <b>Hệ thống ống dẫn dòng/IPB, SPB, NSPB (Isolated Phase Bus duct, Segregated Phase Bus duct, Non Segregated Phase Bus duct)</b> | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| <b>6</b>   | <b>Hệ thống chiếu sáng, chống sét/Lighting, Lightning sys</b>                                                                   | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>V</b>   | <b>Thiết bị phụ/BOP</b>                                                                                                         | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>1</b>   | <b>Lò hơi phụ/Auxiliary Boiler</b>                                                                                              | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống băng tải than/Coal Handling System</b>                                                                              | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| 2.1        | Máy bốc dỡ than/Coal Jetty & CSU                                                                                                | Hệ thống              | 2        |
| 2.2        | Máy đánh phá đồng/Stacker & Relaimer                                                                                            | Hệ thống              | 2        |
| 2.3        | Hệ thống băng tải/Conveyor system                                                                                               | Hệ thống chung        | 1        |
| 2.4        | Kho than và thiết bị phụ trợ/Yard Coal & Auxiliaries                                                                            | Hệ thống chung        | 1        |

| STT/ No    | Nội dung/Content                                                                                  | Đơn vị                | Số lượng |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|
| 2.5        | Máy nghiền than/Coal Crusher                                                                      | Hệ thống              | 2        |
| 2.6        | Máy sàng than, máy nghiền con lăn/Vibrating Screen/ Roller screen                                 | Hệ thống              | 2        |
| <b>3</b>   | <b>Hệ thống thải tro xỉ/Ash Handling System</b>                                                   | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| 3.1        | Hệ thống tro đáy/Bottom Ash Handling System                                                       | Hệ thống chung        | 1        |
| 3.2        | Hệ thống tro bay/Fly Ash Handling System                                                          | Hệ thống chung        | 1        |
| <b>4</b>   | <b>Hệ thống máy nén khí/Compressor Air System</b>                                                 | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| 4.1        | Vận chuyển tro bay                                                                                | Hệ thống chung        | 1        |
| 4.2        | Điều khiển                                                                                        | Hệ thống chung        | 1        |
| <b>5</b>   | <b>Hệ thống FGD/FGD System</b>                                                                    | <b>Hệ thống</b>       | <b>2</b> |
| 5.1        | Hệ thống cung cấp và nghiền đá vôi/Limestone Handling & Mill System                               | Hệ thống chung        | 1        |
| 5.2        | Hệ thống xuất thạch cao/Gypsum Handling & Mill System                                             | Hệ thống chung        | 1        |
| 5.3        | Hệ thống FGD (Tháp hấp thụ)                                                                       | Hệ thống              | 2        |
| <b>6</b>   | <b>Trạm sản xuất Hydro/H2 Generator Plant</b>                                                     | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>7</b>   | <b>Hệ thống lưu trữ và cung cấp CO2/CO2 Storage &amp; Supply System</b>                           | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>8</b>   | <b>Hệ thống lưu trữ và cung cấp N2/N2 Storage &amp; Supply System</b>                             | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>9</b>   | <b>Hệ thống cung cấp nhiên liệu dầu/Fuel Oil Supply System</b>                                    | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>10</b>  | <b>Hệ thống chữa cháy/Fire Fighting System</b>                                                    | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>11</b>  | <b>Hệ thống HVAC/HVAC System</b>                                                                  | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>12</b>  | <b>Thiết bị nâng/Lifting Device</b>                                                               | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>VI</b>  | <b>Xử lý nước/Water Treatment</b>                                                                 | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>1</b>   | <b>Hệ thống nước khử khoáng/Demineralized Water Storage and Transfer System</b>                   | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống nước dịch vụ/Service Water System</b>                                                 | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>3</b>   | <b>Hệ thống xử lý nước thải/Waste Water Treatment System</b>                                      | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| 3.1        | Xử lý nước thải công nghiệp/Industrial Waste Water Treatment                                      | Hệ thống chung        | 1        |
| 3.2        | Xử lý nước thải nhiễm dầu/Oily Waste Water Treatment                                              | Hệ thống chung        | 1        |
| 3.3        | Xử lý nước thải FGD                                                                               | Hệ thống chung        | 1        |
| 3.4        | Xử lý nước ngược thải xỉ                                                                          | Hệ thống chung        | 1        |
| <b>4</b>   | <b>Hệ thống xử lý nước vệ sinh/Sanitary water treatment system</b>                                | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>5</b>   | <b>Hệ thống nước sinh hoạt/Potable Water System</b>                                               | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>6</b>   | <b>Hệ thống định lượng hóa chất/Chemical Dosing System</b>                                        | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| 6.1        | Hệ thống định lượng hóa chất chu trình hơi/Chemical dosing system for cycle                       | Hệ thống chung        | 1        |
| 6.2        | Hệ thống định lượng hóa chất cho xử lý nước/Chemical Dosing System for water treatment            | Hệ thống chung        | 1        |
| 6.3        | Hệ thống định lượng hóa chất cho xử lý nước thải/Chemical Dosing System for waste water treatment | Hệ thống chung        | 1        |
| <b>7</b>   | <b>Hệ thống lấy mẫu/Sampling System</b>                                                           | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>8</b>   | <b>Hệ thống lấy mẫu hơi và nước/Steam and water sampling system</b>                               | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>9</b>   | <b>Hệ thống phòng thí nghiệm hóa học/Chemical Laboratory System</b>                               | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>10</b>  | <b>Out fall</b>                                                                                   | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>VII</b> | <b>Điều khiển và thiết bị đo đạc/Control &amp; Instrumentation</b>                                | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>1</b>   | <b>Hệ thống điều khiển phân tán/Distribution Control System</b>                                   | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| 1.1        | CCR                                                                                               | Hệ thống chung        | 1        |
| 1.2        | PR                                                                                                | Hệ thống chung        | 1        |
| 1.3        | CER                                                                                               | Hệ thống chung        | 1        |
| 1.4        | TBN LER                                                                                           | Hệ thống chung        | 1        |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống camera giám sát/CCTV System</b>                                                       | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>3</b>   | <b>Hệ thống giám sát phát thải/Continuos Emission Monitoring System (CEMS)</b>                    | <b>Hệ thống chung</b> | <b>1</b> |
| <b>B</b>   | <b>Phần kết cấu, xây dựng/Construction, structure</b>                                             | <b>Nhà máy</b>        | <b>1</b> |
| <b>1</b>   | <b>Khu vực Turbine/Turbine area</b>                                                               | <b>Khu vực</b>        | <b>1</b> |
| <b>2</b>   | <b>Khu vực lò hơi/Boiler area</b>                                                                 | <b>Khu vực</b>        | <b>1</b> |
| <b>3</b>   | <b>Khu vực thiết bị phụ trợ/BOP area (consist of Fuel area)</b>                                   | <b>Khu vực</b>        | <b>1</b> |